TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BỐ TRẠCH** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 56 /2019/QĐST-HNGĐ	Bố Trạch, ngày 11 tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 42/2019/TLST-HNGĐ ngày 21/02/2019, giữa:

Nguyên đơn: Anh **Trương Văn S**, sinh năm 1980.

Nơi cư trú: Thôn1 T, xã P, huyện B, tỉnh Q;

Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị H**,sinh năm 1987.

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn 1 T, xã P, huyện B, tỉnh Q.

Hiện trú tại: Thôn C, xã P, huyện B, tỉnh Q

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành được lập ngày 03 tháng 4 năm 2019, về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 42/2019/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành được lập ngày 03 tháng 4 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn, giữa: Anh Trương Văn S và chị Nguyễn Thị H;

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về con chung: Anh S và chị H thỏa thuận thống nhất giao con Trương Đan H, sinh ngày 09/6/2005 cho anh Sáu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao con Trương Đan Hi, sinh ngày 16/01/2010 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; không ai phải đóng góp phí tổn nuôi con.

Anh S và chị H có quyền thăm hỏi, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

* Về tài sản chung và công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

*Về án phí**:**Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, án phí vụ kiện ly hôn 150.000đ(Một trăm năm mươi ngàn đồng) anh S thỏa thuận nộp nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ(Ba trăm ngàn đồng) anh S đã nộp theo biên lai số 0003062 ngày 21/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình. Như vậy, anh S được nhận lại 150.000đ(Một trăm năm mươi ngàn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
-Tòa án N.D tỉnh Quảng Bình;
-VKS huyện BốTrạch(2 bản);
- Anh Trương văn S;
- Chị Nguyễn Thị H;
- Chi cục T.H.A DS huyện Bố Trạch;
-UBND xã P;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đã ký

Nguyễn Thanh Vân